BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ BÍCH YÊN

TỔ CHỨC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Ở TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Ngô Hà Tấn**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày.....tháng .....năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài :

Cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế là việc ra đời các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con" quy định bắt buộc cho các tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và các Tổng công ty có ít nhất một công ty con phải lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng công ty Điện Lực Miền Trung là Tổng công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, nên phải lập báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối năm tài chính. Tuy nhiên, cho đến nay việc lập báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng công ty Điện lực miền Trung chỉ dừng lại ở chỗ cộng ngang các chỉ tiêu tương ứng trên các báo cáo tài chính công ty mẹ và các công ty con, mà chưa thực hiện các bút toán điều chỉnh để loại trừ các chỉ tiêu nội bộ trong Tổng công ty. Các khoản vốn đầu tư chỉ phản ánh theo phương pháp giá gốc chưa phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Với cách làm đó, có thể thấy việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng công ty Điện lực miền Trung còn mang tính hình thức, các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất chưa phản ánh đúng tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Với thực tế trên, tôi đã chọn đề tài "Tổ chức lập báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng Công ty Điện lực Miền Trung" góp phần vào việc thực hiện vấn đề cấp thiết này.

2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan về đề tài:

Liên quan đến đề tài được chọn nêu trên, tác giả đã tìm đọc các đề tài nghiên cứu trước đây có liên quan như: Đề tài 1: *Vận dụng chuẩn mực kế toán để xây dựng BCTC hợp nhất cho mô hình công ty me-công ty con ở Việt Nam-Lê Văn Khương-2005*; Đề tài 2: *Tổ chức lập BCTC ở Tổng công ty Xây dựng miền Trung trong điều kiện chuyển sang mô hình công ty mẹ-công ty con-Đoàn Đức Quý-2006*;...Trên cơ sở các đề tài nghiên cứu này, phần nào tác giả đã kế thừa cơ sở lý luận lập báo cáo tài chính hợp nhất trong mô hình công ty mẹ - công ty con. Sự kế thừa này giúp tác giả được thuận lợi và phát triển được tốt hơn về cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu của mình. Còn đối với thực trạng và giải pháp thì trên cơ sở khảo sát những đặc thù về hệ thống tổ chức hoạt động của Tổng công ty Điện lực miền Trung, tác giả đã nghiên cứu và vận dụng cơ sở lý thuyết cũng như các chuẩn mực kế toán hiện hành để lập báo cáo tài chính hợp nhất cụ thể cho Tổng công ty Điện Lực Miền Trung.

3. Mục tiêu nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu vận dụng cơ sở lý luận và các chuẩn mực kế toán hiện hành vào việc tổ chức lập báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng công ty Điện Lực Miền Trung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận, các chuẩn mực, chế độ kế toán liên quan để tổ chức lập báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng công ty Điện Lực Miền Trung.

Phạm vi nghiên cứu của Luận văn được giới hạn nghiên cứu ở các đơn vị có liên quan đến lập báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng công ty Điện lực miền Trung bao gồm: Công ty mẹ, 03 công ty con và 08 công ty liên kết.

5. Phương pháp nghiên cứu :

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp như phân tích, hệ thống hóa, diễn giải, quy nạp, và phương pháp đánh giá trong quá trình thực hiện luận văn.

6. Những đóng góp của luận văn:

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ hữu ích đối với Tổng công ty Điện lực miền Trung và các cơ quan quản lý nhà nước, thể hiện qua các mặt sau: Luận văn hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổ chức lập Báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng công ty Điện Lực Miền Trung theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các hướng dẫn thực hành kế toán. Qua đó, cũng góp phần vào quá trình hoàn chỉnh việc lập báo cáo tài chính hợp nhất trong Tổng công ty có công ty con, công ty liên kết thuộc mô hình công ty mẹ - công ty con ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong mô hình công ty mẹ - công ty con

Chương 2: Thực trạng công tác lập Báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng công ty Điện Lực Miền Trung.

Chương 3: Tổ chức lập Báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng công ty Điện Lực Miền Trung.

CHƯƠNG 1:CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TRONG MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ-CÔNG TY CON

1.1. Báo cáo tài chính hợp nhất

1.1.1.Khái niệm và mục đích của Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất (BCTCHN) là báo cáo tài chính của một tập đoàn được trình bày như báo cáo tài chính của một doanh nghiệp. Báo cáo này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của công ty mẹ và các công ty con theo quy định của chuẩn mực này. Theo

chuẩn mực số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con”

1.1.2. Nhu cầu sử dụng BCTC hợp nhất

BCTC nói chung cũng như BCTCHN là công cụ hữu hiệu nhất cung cấp thông tin tài chính cho nhiều đối tượng quan tâm, bao gồm nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quản quản lý nhà nước cũng như các đối tác khác. Ngoài ra, một thực tế đáng quan tâm hiện nay là vấn đề huy động vốn của các DN, trong cả khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Nguồn vốn trong nước huy động càng ngày càng khó khăn trong bối cảnh Chính phủ có chủ trương thắt chặt tín dụng, kiềm chế lạm phát. Vấn đề minh bạch thông tin tài chính càng trở nên cấp thiết hơn đối với nhà quản lý nhằm tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư không chỉ ở thị trường trong nước, mà còn vươn ra các thị trường tài chính lớn trên thế giới, nơi có nguồn vốn huy động với chi phí thấp hơn. Vấn đề lập BCTCHN tuân thủ theo cả chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực BCTC quốc tế càng trở nên cần thiết và là điều kiện bắt buộc để có thể tiếp cận với các nguồn vốn này.

1.1.3. Các chuẩn mực kế toán liên quan đến BCTC hợp nhất

Cùng với việc ban hành các Chuẩn mực kế toán trên, Bộ Tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn. Đây là cơ sở lý thuyết để hướng dẫn việc lập và trình bày BCTC hợp nhất.

1.2. Tổ chức thông tin kế toán phục vụ lập BCTC hợp nhất

1.2.1. Các khoản đầu tư dài hạn và phương pháp kế toán các khoản đầu tư dài hạn

1.2.1.1. Các khoản đầu tư dài hạn: Đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh, và đầu tư dài hạn khác.

1.2.1.2. Phương pháp kế toán các khoản đầu tư dài hạn: Phương pháp giá gốc, phương pháp vốn chủ sở hữu, phương pháp hợp nhất.

1.2.2. Kế toán các giao dịch nội bộ trong mô hình công ty mẹ-công ty con:

Trong mô hình Công ty mẹ-công ty con, giao dịch nội bộ là giao dịch kinh doanh và tài chính giữa các đơn vị thành viên trong tập đoàn. Giao dịch nội bộ có thể phân loại thành: - Giao dịch mua bán hàng hóa, vật tư, tài sản; - Giao dịch vay, nợ giữa các đơn vị thành viên; - Giao dịch về vốn: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, các quỹ;

1.3. Tổ chức lập BCTC hợp nhất

1.3.1. Tổ chức các tài khoản kế toán phục vụ lập BCTC hợp nhất

1.3.1.1. Tài khoản kế toán liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn

TK 221 "Đầu tư vào công ty con"; TK 222 "Vốn góp liên doanh"; TK 223 "Đầu tư vào công ty liên kết"; TK 228 " Đầu tư dài hạn khác". Tất cả các TK trên đều phản ánh các khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc trên BCTC riêng của công ty mẹ, chỉ khi lập BCTC hợp nhất thì giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con mới bị loại trừ theo phương pháp hợp nhất; khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh thì được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu và khoản đầu tư dài hạn khác thì vẫn phản ánh theo phương pháp giá gốc.

1.3.1.2. Tài khoản kế toán liên quan đến công nợ nội bộ

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, công nợ nội bộ giữa văn phòng công ty mẹ với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được theo dõi ở TK 136 "Phải thu nội bộ", TK 336 "Phải trả nội bộ". Trong khi đó, các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ và công ty con có thể hạch toán vào TK 131 "Phải thu khách hàng", TK 331 "Phải trả cho người bán", TK 311 "Vay ngắn hạn"...

1.3.1.3. Tài khoản kế toán liên quan đến doanh thu, giá vốn nội bộ

TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và TK 632 "Giá vốn hàng bán" phải chi tiết phần doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con ...

1.3.2.Tổ chức sổ kế toán hợp nhất

1.3.2.1 Sổ kế toán theo dỏi các khoản đầu tư vào công ty liên kết

a. Bảng xác định phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết

b. Sổ kế toán chi tiết theo dỏi khoản đầu tư vào từng công ty liên kết

c. Sổ theo dỏi phân bổ các khoản chênh lệch phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên kết

1.3.2.2 Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh.

Bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh được lập cho từng chỉ tiêu nhằm tổng hợp các khoản điều chỉnh và loại trừ khi hợp nhất BCTC.

1.3.2.3 Lập bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất

Bảng tổng hợp này dùng để tổng hợp các chỉ tiêu trong BCTC của công ty mẹ và công ty con trong Tập đoàn đồng thời phản ảnh tổng hợp ảnh hưởng của các bút toán loại trừ và điều chỉnh khi hợp nhất đến mỗi chỉ tiêu trong BCTC hợp nhất.

1.3.3. Lập Báo cáo tài chính hợp nhất

1.3.3.1. Các bước lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Lập BCTC hợp nhất cần phải được tiến hành qua 7 bước.

1.3.3.2. Lập báo cáo tài chính hợp nhất

a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

a1. Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng CĐKT

a2. Loại từ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có)

a3. Phân bổ lợi thế thương mại

a4. Tách lợi ích của cổ đông thiểu số

a5. Loại trừ các khoản phải thu, phải trả giữa các đơn vị nội bộ trong cùng tập đoàn

a6 .Loại trừ các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ

a7. Ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu

b. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

b1. Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

b2. Loại trừ các khoản doanh thu, giá vốn hàng bán nội bộ

b3. Loại trừ lãi /lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ

b4. Tách lợi ích cổ đông thiểu số

b5.Trình bày các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Tất cả các giao dịch nội bộ phải được loại trừ khi lập Báo cáo LCTT hợp nhất. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và của các công ty con phải trên cơ sở thống nhất toàn bộ về phương pháp lập (phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp gián tiếp).

d. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thuyết minh BCTC hợp nhất được lập trên cơ sở tổng hợp các nội dung trên Thuyết minh BCTC của công ty mẹ và các công ty con.

1.4. Tình hình lập BCTC hợp nhất trong mô hình Tổng công ty hiện nay

Một tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, mong muốn có được một bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của một tổng thể hợp nhất là nhu cầu tất yếu. Hệ thống báo cáo tài chính hợp nhất là kết quả của quá trình hợp nhất các báo cáo tài chính, là phương tiện để cung cấp thông tin cho các nhà quản trị và các nhà đầu tư một cách hữu ích nhất. Tuy nhiên, đây là một công việc tương đối mới ở Việt Nam, dẫn đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn, nhiều trường hợp vẫn chưa được thực hiện. Theo các tác giả của các

luận văn Thạc sĩ như đã nêu ở phần tổng quan các nghiên cứu trước đây về đề tài thì các đơn vị: Tổng công ty Đường sông miền Nam, Công ty Vận tải đa phương thức; Tổng công ty Xây dựng miền Trung; Tổng công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam;..vẫn chưa được lập và trình bày theo nguyên tắc lập BCTC hợp nhất.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Ở TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

2.1. Đặc điểm hoạt động và cơ cấu tổ chức ở Tổng công ty Điện lực miền Trung

2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm hoạt động của Tổng công ty

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (tên viết tắt là EVNCPC) mà trước đây là Công ty Điện lực 3, được thành lập vào ngày 7/10/1975, là doanh nghiệp thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), hoạt động đa ngành nghề trong đó ngành nghề chính là sản xuất, kinh doanh điện năng và dịch vụ viễn thông công cộng trên 13 tỉnh, thành phố duyên hải miền Trung, Tây Nguyên.

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC) chính thức được Bộ trưởng Bộ Công Thương ra Quyết định số 739/QĐ-BCT vào ngày 05/02/2010 trên cơ sở chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty Điện lực 3 trước đây.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Tổng công ty

Trong cơ cấu tổ chức hoạt động của Tổng công ty có 18 đơn vị phụ thuộc, 03 công ty con và 08 công ty liên kết. Ngoại trừ các công ty con và công ty liên kết, trong hệ thống các đơn vị phụ thuộc, Tổng công ty tổ chức quản lý theo cấu trúc chức năng nhằm phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

2.1.3. Quan hệ tài chính trong cơ cấu tổ chức hoạt động của Tổng công ty

Quan hệ tài chính giữa Tổng công ty với đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết được thực hiện theo Quy chế tài chính của EVNCPC, dựa trên quy chế quản lý tài chính áp dụng cho các TCT Nhà nước, ban hành kèm theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ.

2.2. Tổ chức kế toán ở Tổng công ty Điện lực Miền Trung

2.2.1. Mô hình tổ chức kế toán ở Tổng công ty

Mô hình tổ chức kế toán ở Tổng công ty Điện lực miền Trung được xác lập theo mô hình tổ chức kế toán phân tán. Với mô hình này, ở Tổng công ty hình thành Ban Tài chính kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ các đơn vị phụ thuộc đến Tổng công ty.

2.2.2. Quy định hệ thống tài khoản và sổ kế toán ở Tổng công ty

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản kế toán riêng, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- *Tài khoản liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Với hệ thống tài khoản hiện tại đang áp dụng, TCT đã theo dõi được các khoản đầu tư tài chính dài hạn khá chi tiết và rõ ràng, cụ thể như sau: Tài khoản 221 "Đầu tư vào công ty con"; Tài khoản 223 " Đầu tư vào công ty liên kết"; Tài khoản 228 "Đầu tư dài hạn khác".

- *Tài khoản liên quan đến công nợ nội bộ*

Công nợ nội bộ giữa văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc, giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc với nhau được theo dõi qua các TK 136 'Phải thu nội bộ" và TK 336 "Phải trả nội bộ". Riêng công nợ nội bộ giữa TCT và các công ty con thì TCT không mở tài khoản chi tiết mà theo dõi như một khách hàng hay người cung cấp cung cấp khác.

- *Các tài khoản liên quan đến doanh thu*

TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và chưa chi tiết được phần doanh thu bán cho các thành viên trong Tổng công ty và phần doanh thu bán cho các đơn vị ngoài Tổng công ty.

- *Hình thức sổ kế toán*

Tổng công ty Điện lực miền Trung áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung thông qua việc sử dụng phần mềm kế toán F-MIS, và được áp dụng thống nhất trong nội bộ công ty mẹ và các công ty con. Thông qua phần mềm kế toán, các sổ kế toán được thiết kế tương đối đầy đủ và rõ ràng

2.2.3. Các nội dung kế toán liên quan đến lập BCTC ở Tổng công ty

2.2.3.1. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

Trên BCTC riêng của công ty mẹ, các khoản đầu tư vào 3 công ty con được ghi nhận theo giá gốc và được hạch toán vào TK 221 "Đầu tư vào công ty con". Trên các BCTC của các công ty con thì khoản đầu tư này được hạch toán vào TK 4111 "Vốn đầu tư của chủ sở hữu". Tính đến ngày 31/12/2010, Tổng công ty có khoản đầu tư vào các công ty con là 741.478.490.039 đồng.

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào 08 công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trên BCTC riêng của công ty mẹ và được phản ánh vào TK 223 "Đầu tư vào công ty liên kết". Tính đến ngày 31/12/2010, Tổng công ty có khoản đầu tư vào các công ty liên kết là 472.461.000.000 đồng.

c. Đầu tư tài chính dài hạn khác

Tính đến ngày 31/12/2010, các khoản đầu tư dài hạn khác tại Tổng công ty là 114.862.420.000 đồng, chủ yếu là đầu tư trái phiếu Chính phủ và tập trung đầu tư vào các công trình nguồn điện bằng cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư dài hạn này được phản ánh vào TK 228 "Đầu tư dài hạn khác".

2.2.3.2. Kế toán các giao dịch nội bộ

- Giao dịch mua bán điện nội bộ:

Tổng công ty đã bán điện cho các công ty con, nhưng do điện là sản phẩm đặc thù (không tích trữ tồn kho), do đó với giao dịch mua bán điện nội bộ thì không phát sinh lãi nội bộ chưa thực hiện.

- Giao dịch mua bán sản phẩm và nhượng bán vật tư nội bộ:

Sản phẩm ở đây thường là những sản phẩm xây lắp, khảo sát thiết kế, thiết bị điện, sửa chữa thí nghiệm điện. Việc mua bán vật tư giữa công ty mẹ với các công ty con thường theo giá thị trường. Nhưng do Tổng công ty chưa theo dõi được hàng tồn kho có nguồn gốc từ các đơn vị trong nội bộ dẫn đến việc xác định lãi/lỗ chưa thực hiện để lập BCTC hợp nhất còn nhiều khó khăn.

- Giao dịch mua bán tài sản cố định

Ngày 01/07/2009, Tổng công ty Điện lực miền Trung có bán cho Công ty cổ phần Đầu tư điện lực 3 một chiếc xe ô tô hiệu Ford Ranger với giá 360.000.000 đồng. Chiếc xe này có nguyên giá 570.000.000 đồng và đã khấu hao 285.000.000 đồng. Tại công ty đã hạch toán vào thu nhập khác, chi phí khác và giảm nguyên giá TSCĐ cũng như giảm khấu hao lũy kế. Công ty con mua xe này về và ghi nhận nguyên giá TSCĐ là 360.000.000 đồng và kế hoạch khấu hao trong 6 năm. Tuy nhiên công ty mẹ đã không mở sổ theo dõi chi tiết các thông tin về tình hình trích khấu hao tại công ty con để có cơ sở điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện phục vụ cho việc hợp nhất BCTC năm 2009 và năm 2010.

- Vay trong nội bộ giữa công ty mẹ và công ty con

Để hỗ trợ vốn trong quá trình hoạt động, trong Tổng công ty cũng thường phát sinh các khoản vay nội bộ giữa công ty mẹ và các công ty con. Trong năm 2010, công ty mẹ đã ký hợp đồng cho Công ty CP Đầu tư Điện lực 3 vay với số tiền 500.000.000 đồng.

2.3. Thực trạng lập BCTC hợp nhất ở Tổng công ty Điện lực miền Trung

2.3.1. Lập báo cáo tài chính tổng hợp

2.3.1.1. Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ

a. Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Bảng CĐKT tổng hợp được lập trên cơ sở bảng CĐKT tại Văn phòng Tổng công ty và Bảng CĐKT của 18 đơn vị hạch toán phụ. Cuối mỗi quý, Tổng công ty quy định các công ty phải thực hiện đối chiếu công nợ nội bộ giữa Văn phòng Tổng công ty với các công ty và giữa các công ty với nhau. Các khoản phải thu phải trả nội bộ giữa Tổng công ty với các đơn vị phụ thuộc đều theo dõi trên các TK 336; TK 136 chỉ để theo dõi số phát sinh, quyết toán phần đã thực chi, do vậy đến cuối tháng các TK 136 đều có số dư bằng 0.

b. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp được lập trên cơ sở tổng cộng các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo KQKD của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và văn phòng Tổng công ty, mà không có sự loại trừ doanh thu và chi phí nội bộ (đối với các sản phẩm khác ngoài sản phẩm điện).

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Báo cáo LCTT tổng hợp của công ty mẹ được lập theo phương pháp gián tiếp. Việc lập báo cáo này chỉ đơn thuần là cộng các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo LCTT của Văn phòng Tổng công ty và báo cáo LCTT của 18 đơn vị hạch toán phụ thuộc.

d. Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Thuyết minh BCTC tổng hợp được lập bằng cách: phần thuyết minh bằng số thì cộng gộp tất cả các chỉ tiêu trên Thuyêt minh BCTC của tất cả các đơn vị, phần thuyết minh bằng chữ thì tổng hợp đặc điểm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong toàn Tổng công ty.

2.3.1.2. Báo cáo tài chính các công ty con

Để lập được Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương án hợp nhất đã được lựa chọn, 03 công ty con phải lập báo cáo tài chính riêng và gửi về công ty mẹ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.3.2. Lập báo cáo tài chính hợp nhất

2.3.2.1. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Tổng công ty lập báo cáo KQKD hợp nhất trên cơ sở báo cáo KQKD tổng hợp của công ty mẹ và báo cáo KQKD của các công ty con theo từng chỉ tiêu tương ứng. Tuy nhiên, việc lập báo cáo này chưa đúng với quy định hợp nhất, cụ thể:

- Chưa tách được phần lợi ích của các cổ đông thiểu số, và trình bày thành một chỉ tiêu riêng trên báo cáo KQKD hợp nhất;

- Chỉ tiêu doanh thu, giá vốn nội bộ giữa công ty mẹ với các công ty con chưa được loại trừ khi lập báo cáo KQKD hợp nhất;

- Trên BCTC riêng của công ty mẹ, phần cổ tức được chia từ các công ty con, được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính, khi lập Báo cáo KQKD hợp nhất lại không loại trừ dẫn đến lợi nhuận công ty mẹ nhận được từ công ty con phản ánh bị trùng;

- Đối với phần lãi lỗ trong công ty liên kết cũng chưa được xác định và chưa phản ánh theo kết quả kinh doanh của công ty liên kết và thể hiện vào chỉ tiêu "Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh" trên báo cáo KQKD.

2.3.2.2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng CĐKT hợp nhất được lập dựa trên cơ sở các khoản mục tương đương trên bảng CĐKT của công ty mẹ và các công ty con. Với cách lập này vẫn chưa loại trừ hoàn toàn các chỉ tiêu theo quy định hợp nhất, cụ thể:

- Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;

- Chưa tách được phần lợi ích của các cổ đông thiểu số, và chưa phản ánh thành một chỉ tiêu riêng "*Lợi ích không kiểm soát*" trên bảng CĐKT hợp nhất;

- Các chỉ tiêu liên quan đến công nợ nội bộ chưa được loại trừ giữa công ty mẹ với các công ty con;

- Phần cho vay giữa công ty mẹ - công ty con phải loại trừ, nhưng ở Tổng công ty không thực hiện việc loại trừ này;

- Phần cổ tức được thông báo (được đề nghị trả) từ các công ty con, công ty mẹ chưa nhận được. Theo quy định khoản phải trả cổ tức trong bảng CĐKT của công ty con phải được loại trừ với khoản cổ tức phải thu ở công ty mẹ, nhưng cũng chưa được loại trừ.

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, thì Tổng công ty cũng chưa điều chỉnh các khoản đầu tư này từ phương pháp giá gốc sang phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.3.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo LCTT hợp nhất ở Tổng công ty được lập theo phương pháp gián tiếp. Việc lập Báo cáo LCTT hợp nhất tại Tổng công ty chưa thực hiện việc loại trừ các chỉ tiêu liên quan đến luồng tiền nội bộ trong Tổng công ty.

2.3.2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thuyết minh BCTC hợp nhất được lập bằng cách: phần thuyết minh bằng số thì cộng gộp tất cả các chỉ tiêu trên Thuyêt minh BCTC tổng hợp với Thuyết minh BCTC của các công ty con song có giải thích tính toán loại trừ một số chỉ tiêu như đã nêu ở bảng CĐKT, báo cáo KQKD, còn phần thuyết minh bằng chữ thì tổng hợp đặc điểm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong toàn Tổng công ty.

2.4. Đánh giá công tác lập BCTC hợp nhất ở Tổng công ty Điện lực miền Trung

Việc lập BCTC hợp nhất ở Tổng công ty Điện lực miền Trung chưa tuân thủ đầy đủ các quy định tại VAS 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Do đó, chưa phản ánh đúng được tình hình tài chính của cả Tổng công ty. Hạn chế này là do:

Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa kế toán Công ty mẹ và các công ty con trong Tổng công ty .

Mặt khác, hệ thống tài khoản được xây dựng hiện nay ở Tổng công ty chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp nhất BCTC.

Ngoài ra, Tổng công ty cũng chưa tổ chức sổ kế toán để phục vụ cho việc lập BCTC hợp nhất như: Sổ kế toán hợp nhất, các sổ chi tiết theo dõi các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các bảng phân bổ...

Theo lộ trình phương án chuyển đổi mô hình tổ chức của Tổng công ty Điện lực miền Trung vào tháng 1 năm 2011, Tổng công ty sẽ có thêm ít nhất 7 công ty con nữa đó là: Công ty TNHH MTV Điện lực Thừa Thiên Huế, Công ty TNHH MTV Điện lực Quảng nam, Công ty TNHH MTV Điện lực Phú Yên, Công ty TNHH MTV Điện lực Đắc Lắc, Công ty TNHH MTV Điện lực Gia Lai, Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Trung, Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện miền Trung. Do vậy, vấn đề đặt ra cấp bách hiện nay đối với Tổng công ty Điện lực miền Trung là phải tích cực tổ chức lại công tác lập BCTC hợp nhất để bảo đảm thông tin trong báo cáo được đúng đắn.

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Ở TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

3.1. Tổ chức công tác kế toán phục vụ lập BCTC hợp nhất ở Tổng công ty điện lực Miền Trung

3.1.1. Tổ chức tài khoản kế toán phục vụ lập BCTC hợp nhất

3.1.1.1. Tổ chức các tài khoản công nợ

Các tài khoản công nợ cần được bổ sung TK cấp 2, cấp 3 trên cơ sở TK cấp 1 và cấp 2 đã có. Ví dụ như: TK 13161:Chi tiết Công ty CP Đầu tư Điện lực 3; TK 13162: Chi tiết Công ty CP Điện lực Khánh Hòa; TK 13163: Chi tiết Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng.

3.1.1.2. Tổ chức các tài khoản doanh thu và doanh thu nội bộ

Để thuận lợi cho việc hợp nhất BCTC thì TK 511 cần mở thêm các TK chi tiết từ các TK cấp 2 đã được xây dựng. Ví dụ như: TK 5111 “Doanh thu bán điện” mở chi tiết như: TK 51111: Doanh thu bán điện – Cho bên ngoài; TK 51112: Doanh thu bán điện – Giữa các đơn vị trong nội bộ công ty mẹ-công ty con; …Ngoài ra, cần mở thêm TK 512 để theo dõi doanh thu bán hàng giữa Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc. Việc mở chi tiết TK này tương tự TK 511.

3.1.1.3. Tổ chức các tài khoản khác

Cần mở thêm TK cấp 3 trên cơ sở TK cấp 2 của các TK 128, TK 228 để theo dõi vốn vay giữa công ty mẹ và công ty con. Ví dụ như: TK cấp 2 là TK 1288 “Đầu tư ngắn hạn khác”mở chi tiết là: TK 12881: Đầu tư ngắn hạn khác – Cho vay bên ngoài; TK 12886: Đầu tư ngắn hạn khác – Cho vay giữa công ty mẹ và các công ty con

3.1.2. Kế toán các giao dịch nội bộ Tổng công ty

3.1.2.1. Kế toán mua bán vật tư, hàng hóa

Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, kế toán phải xác định trong hàng tồn kho có bao nhiêu là hàng tồn kho được bán trong nội

bộ công ty mẹ-công ty con để xác định lãi/lỗ chưa thực hiện và thực hiện các bút toán điều chỉnh.

3.1.2.2. Kế toán mua bán tài sản cố định

Cần phải loại trừ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mua bán TSCĐ trong nội bộ công ty mẹ-công ty con khi TSCĐ đó chưa được bán ra ngoài. Trong trường hợp giao dịch thuận chiều (công ty mẹ bán cho công ty con) thì lãi/lỗ chưa thực hiện của giao dịch đó ảnh hưởng đến lợi ích của công ty mẹ. Trong trường hợp giao dịch ngược chiều (công ty con bán cho công ty mẹ) thì lãi/lỗ chưa thực hiện của giao dịch đó sẽ được phân bổ cho công ty mẹ và cổ đông thiểu số và thực hiện loại trừ liên quan đến lợi ích của công ty mẹ và cổ đông thiểu số.

3.1.2.3. Kế toán các khoản vay nội bộ

Cần thực hiện các bút toán điều chỉnh liên quan đến loại trừ số dư nợ vay và chi phí lãi vay phát sinh trong lập BCTC hợp nhất.

3.1.3. Tổ chức sổ kế toán hợp nhất

3.1.3.1. Sổ kế toán chi tiết

Tổng công ty (công ty mẹ) cần phải có một bộ sổ kế toán phục vụ công tác lập BCTC hợp nhất như: Sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản đầu tư vào công ty con; Sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản đầu tư vào công ty liên kết; Sổ kế toán chi tiết theo dõi TSCĐ mua bán trong nội bộ công ty mẹ-công ty con, để phục vụ loại trừ dễ dàng khi hợp nhất BCTC.

3.1.3.2. Sổ kế toán tổng hợp hợp nhất

Sổ kế toán tổng hợp hợp nhất chính là các bảng biểu nhằm tổng hợp số liệu của công ty mẹ, các công ty con, các công ty liên kết, liên doanh và tất cả các bút toán điều chỉnh nhằm lập BCTC hợp nhất. Theo quy định tại Thông tư 161 của Bộ tài chính thì có hai biểu tổng hợp:

- Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất

- Bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh

3.2. Lập BCTC hợp nhất ở Tổng công ty Điện lực Miền Trung

3.2.1. Trình tự lập BCTC hợp nhất

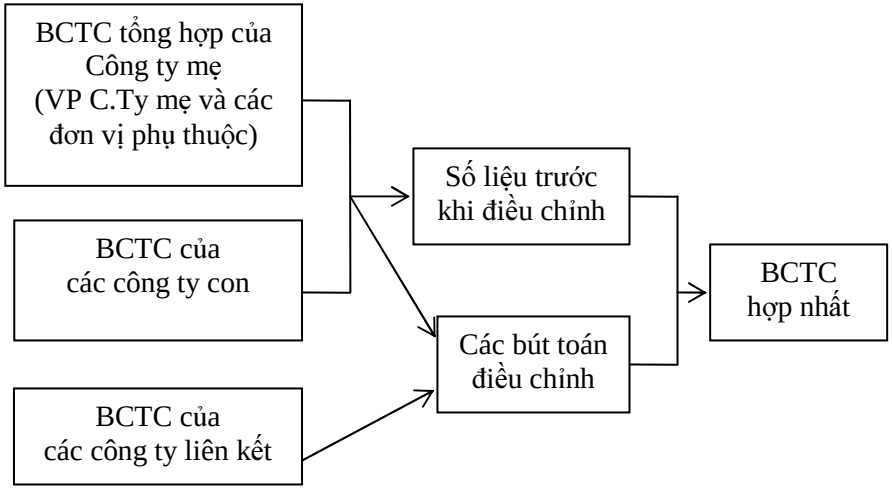

Sơ đồ 3.1 – Quy trình hợp nhất BCTC ở EVNCPC

3.2.2. Lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Trong phần này tác giả căn cứ vào số liệu năm 2010 thu thập từ các BCTC của công ty mẹ Tổng công ty Điện lực miền Trung và các công ty con, công ty liên kết, và các bút toán điều chỉnh, tiến hành lập "Bảng tổng hợp tất cả các bút toán điều chỉnh", và từ đó lập "Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất". Từ "Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất" kế toán sẽ lập các BCTC hợp nhất của Tổng công ty Điện lực miền Trung.

3.2.2.1. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

So với số liệu trước khi điều chỉnh thì báo cáo KQKD hợp nhất của năm 2010 được điều chỉnh ở những chỉ tiêu sau:

(e1)- Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

BCTC hợp nhất phải loại trừ cổ tức, lợi nhuận mà công ty con đã trả trong kỳ cho công ty mẹ cũng như chi phí lãi vay phát sinh từ

các giao dịch trong nội bộ công ty mẹ - công ty con. Các khoản loại trừ này đã được phản ánh trên các chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" và "Chi phí tài chính" của các công ty có liên quan. Số liệu điều chỉnh doanh thu tài chính và chi phí tài chính của năm 2010 như sau:

(e1) Nợ Doanh thu hoạt động tài chính 12.170.204.800

Có Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 12.135.204.800

Có Chi phí hoạt động tài chính 35.000.000

(e2)- Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán

BCTC hợp nhất phải loại trừ doanh thu, chi phí điện dùng nội bộ công ty mẹ - công ty con. Các khoản loại trừ này đã được phản ánh trên các chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và "Giá vốn hàng bán" của các công ty có liên quan. Số liệu khử giá trị điện dùng nội bộ như sau:

(e2) Nợ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 3.493.247.528

Có Giá vốn hàng bán 3.493.247.528

(e3) và (e4) – Lãi, lỗ trong công ty liên kết

(e3) Nợ Đầu tư vào công ty liên kết 20.240.298.222

Có Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết 20.240.298.222

(e4) Nợ Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết 2.554.927.796

Có Đầu tư vào công ty liên kết 2.554.927.796

(e5) – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh chi phí khấu hao TSCĐ từ giao dịch mua bán TSCĐ trong nội bộ Tổng công ty đã dẫn đến phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

(e5) Nợ Chi phí thuế TNDN hoãn lại 3.125.000

Có Tài sản thuế thu nhập hoãn lại 3.125.000

(e6) – Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

Tách lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con là: 43.332.700.965 đồng.

Ngoài ra, Công ty CP Đầu tư Điện lực 3 có mua TSCĐ của Công ty mẹ trong năm 2009 nên việc loại trừ lãi chưa thực hiện ảnh hưởng đến chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty con và theo đó ảnh hưởng đến việc xác định lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm, đã làm tăng lợi ích của cổ đông thiểu số: 3.820.313 đồng.

(e6) Nợ Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số 43.336.521.278

Có Lợi ích của cổ đông thiểu số 43.336.521.278

Từ các bút toán điều chỉnh trên kế toán tiến hành ghi vào cột "Điều chỉnh" tương ứng với các chỉ tiêu ở "Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất"

3.2.2.2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

(e7) và (e8) – Loại trừ khoản vay nội bộ

Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 vay của công ty mẹ số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 01/08/2010. Nội dung của khoản vay như sau: Thời gian vay từ 01/08/2010 đến 01/08/2012, Lãi suất 14%/tháng. Đến thời điểm 31/12/2010, công ty con đã trả lãi vay cho công ty mẹ bằng tiền mặt: 27.200.000 đồng và còn nợ 7.800.000 đồng.

(e7) Nợ Các khoản phải nộp, phải trả ngắn hạn khác 7.800.000

Có Các khoản phải thu ngắn hạn khác 7.800.000

(e8) Nợ Vay và nợ dài hạn 500.000.000

Có Đầu tư dài hạn khác 500.000.000

(e9), (e10), (e11), (e12) – Loại trừ giao dịch mua bán TSCĐ nội bộ

Giao dịch bán TSCĐ là xe ô tô hiệu Ford Ranger của công ty mẹ bán cho Công ty CP Đầu tư Điện lực 3 như sau:

Nội dung	**Năm 2009 (VNĐ)**
Tại bên bán	
Nguyên giá TSCĐ	570.000.000
Thời gian khấu hao TSCĐ	12 năm
Khấu hao lũy kế đến 01/07/2009	
Mức khấu hao hàng năm (570.000.000/12)	47.500.000
Số năm đã khấu hao	6 năm
Lũy kế khấu hao	(285.000.000)
Giá trị còn lại tại 01/07/2009	285.000.000
Giá bán	360.000.000
Chênh lệch giá bán với giá trị còn lại	*37.500.000*
Tại bên mua	
Nguyên giá TSCĐ	360.000.000
Thời gian khấu hao	6 năm
Mức khấu hao hàng năm (360.000.000/6)	60.000.000
Chênh lệch khấu hao hàng năm	*12.500.000*

Theo chi tiết trên thì ta có các bút toán điều chỉnh như sau:

(e9)Nợ Nguyên giá TSCĐ HH 210.000.000
Nợ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 75.000.000
Có Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ HH 285.000.000

(e10) Nợ Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ HH 18.750.000
Có Chi phí quản lý doanh nghiệp 12.500.000
Có Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 6.250.000

(e11) Nợ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại 18.750.000
Có Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 18.750.000

(e12) Nợ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.562.500
Nợ Chi phí thuế TNDN hoãn lại 3.125.000
Có Tài sản thuế thu nhập hoãn lại 4.687.500

(e13) - Loại trừ khoản đầu tư vào công ty con

(e13) Nợ Vốn đầu tư của chủ sở hữu 741.478.490.000
Có Đầu tư vào công ty con 741.478.490.000

(e14), (e15) – Điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập BCTC hợp nhất. Số liệu tổng hợp để điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh sau:

(e14) Nợ Đầu tư vào công ty liên kết 20.532.913.263
Có Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết 20.240.298.222
Có Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 292.615.046

(e15) Nợ Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết 2.554.927.796 (e4)
Có Đầu tư vào công ty liên kết 2.554.927.796

(e16) – Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Trong năm 2010, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã xác định cổ tức chi trả cho các cổ đông. Toàn bộ số cổ tức phải trả cho công ty mẹ, công ty con đã hạch toán phải trả ngắn hạn khác.Bên cạnh đó khoản lãi vay mà Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 còn nợ công ty mẹ vẫn được công ty con này theo dõi trên khoản mục phải trả ngắn hạn khác.

(e16) Nợ Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác 23.560.321.112
Có Các khoản phải thu khác 7.800.000 (e7)
Có Lợi nhuận chưa phân phối 23.552.521.112

Ngoài ra, cần phải bù trừ công nợ do Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng nộp lợi nhuận về Tổng công ty

Nợ Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác 4.323.281.027
Có Các khoản phải thu khác 4.323.281.027

(e17) – Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Phần vốn của công ty mẹ trong vốn đầu tư của chủ sở hữu tại các công ty con phải được loại trừ hoàn toàn.

(e17) Nợ Vốn đầu tư của chủ sở hữu 1.009.568.256.700

Có Lợi ích của cổ đông thiểu số 268.089.766.700

Có Đầu tư vào công ty con 741.478.490.000

(e18) – Quỹ đầu tư phát triển

Số dư quỹ đầu tư phát triển tại các công ty con phải được điều chỉnh giảm tương ứng với phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong các công ty con.

(e18) Nợ Quỹ đầu tư phát triển 2.134.411.401

Có Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2.134.411.501

(e19) – Quỹ dự phòng tài chính

(e19) Nợ Quỹ dự phòng tài chính 4.782.469.744

Có Lợi ích của cổ đông thiểu số 2.906.248.958

Có Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.876.220.786

(e20), (e21) – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tổng hợp tất cả các bút toán điều chỉnh trên ta có tổng hợp các biến động của tăng, giảm lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2010 như sau:

(e20) – Điều chỉnh giảm lợi nhuận: 89.063.712.116 đồng

(e21) – Điều chỉnh tăng lợi nhuận: 67.982.661.663 đồng

(e22), (e23) – Lợi ích của cổ đông thiểu số

(e22) Nợ Lợi ích của cổ đông thiểu số 27.738.163.880

Có Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 27.738.163.880

(e23) Nợ Vốn đầu tư của chủ sở hữu 268.089.766.700

Nợ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 60.205.095.780

Nợ Quỹ dự phòng tài chính 2.906.248.958

Có Lợi ích của cổ đông thiểu số 334.940.735.398

Từ các bút toán điều chỉnh trên kế toán tiến hành ghi vào cột "Điều chỉnh" tương ứng với các chỉ tiêu ở "Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất"

3.2.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(e24) – Điều chỉnh luồng tiền liên quan đến khoản vay

(e24) Nợ Tiền chi cho các khoản đầu tư khác 500.000.000

Có Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được 500.000.000

(e25) – Điều chỉnh luồng tiền liên quan đến cổ tức, lãi vay đã trả

(e25)Nợ Tiền lãi vay đã trả 27.200.000

Nợ Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 12.135.204.800

Có Tiền thu lãi cho vay và cổ tức, LN được chia 12.162.404.800

Từ các bút toán điều chỉnh trên kế toán tiến hành ghi vào cột "Điều chỉnh" tương ứng với các chỉ tiêu ở "Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất"

3.2.2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cách lập tương tự Thuyết minh BCTC hợp nhất hiện tại ở Tổng công ty.

KẾT LUẬN

Có thể thấy rằng BCTC hợp nhất có ý nghĩa rất lớn đối với mô hình công ty mẹ - công ty con. Nó không những cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản lý trong việc đưa ra các quyết định mà còn là nguồn cung cấp thông tin cho những người ngoài doanh nghiệp.

Đề tài luận văn "Tổ chức lập báo cáo tài chính hợp nhất ở Tổng Công ty Điện lực Miền Trung" được hình thành trên cơ sở nghiên cứu lý luận về phương pháp, trình tự lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; tìm hiểu thực tế về việc lập báo cáo tài chính tại Tổng công ty Điện lực miền Trung, từ đó luận văn đã đưa ra các giải pháp để tổ chức lập BCTC hợp nhất ở Tổng công ty Điện lực miền Trung.

Với những kiến thức được trình bày toàn bộ trong đề tài, tác giả hy vọng là nguồn tài liệu tham khảo cho Tổng công ty Điện lực miền Trung trong công tác lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của mình.